

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

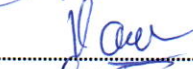
**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
HỆ TẬP TRUNG A.54C, KHÓA HỌC 2024- 2025**

NỘP BÀI THU HOẠCH THỰC TẾ

Ngày nộp: 12...tháng 12 năm 2024

Stt	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số cuốn	Ký nộp	Điểm số	Điểm chữ
1	Lê Tuấn Anh	12/11/1993	01	Anh	8,25	Tạm 1 học năm
2	Võ Thị Vân Anh	04/3/1990	01	SEA	9,0	Chín
3	Nguyễn Đức Anh	07/9/1988	01	Anh	9,0	Chín
4	Y Wron Byă	07/12/1987	01	Y wron	8,25	Tạm 1 học năm
5	Phan Quốc Đại	02/6/1991	01	Đại	8,0	Tạm
6	Ngân Văn Đạt	09/6/1996	01	Đạt	8,0	Tạm
7	La Thị Kiều Diễm	02/02/2000	01	Diễm	8,0	Tạm
8	Nguyễn Văn Đoàn	19/5/1998	01	Đoàn	8,0	Tạm
9	Nguyễn Đình Đức	13/10/1996	(Quyết định bảo lưu số 653/QĐ/TCT ngày 23/10/2024)			
10	Sùng Dũng	20/10/1989	01	Dũng	8,5	Tạm 1 năm
11	Huỳnh Thị Duyên	30/9/1988	01	Duyên	8,5	Tạm 1 năm
12	H Yuăn Ênuôl	01/4/1994	01	H Yuăn	8,0	Tạm
13	Võ Thị Thu Hà	20/6/1991	01	Thu	8,0	Tạm
14	Nguyễn Thị Hạnh	28/10/1993	01	Hạnh	8,0	Tạm
15	Lương Văn Hiếu	26/3/1993	01	Hiếu	8,0	Tạm
16	Nông Văn Hội	17/4/1984	01	Hội	8,25	Tạm 1 học năm
17	Phạm Thị Thu Huyền	04/11/1992	01	Huyền	9,5	Chín 1 năm
18	H Phương Ktla	28/8/1993	01	H' Phương	8,0	Tạm
19	Trịnh Ngọc Liên	02/8/1987	01	Liên	8,0	Tạm
20	H Zen Mlô	03/12/1993	01	H'zen	9,0	Chín
21	H Pi Na Mlô	20/4/1987	01	H'Pi Na	8,0	Tạm

Stt	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số cuốn	Ký nộp	Điểm số	Điểm chữ
22	Si Mon	04/8/1997	01	Si Mon	8.25	Tám hai năm
23	Lữ Thành Nam	19/5/1985	(Thôi học - Quyết định số 254/QĐ/TCT ngày 13/5/2024)			
24	Lô Thanh Cao Nguyên	24/09/1994	01	Lô Thanh Cao	9.5	Chín năm
25	H Êlyzabet Niê	24/9/1992	01	Êlyzabet	8.25	Tám hai năm
26	Trương Thị Cúc Phương	17/11/1992	01	Phường	8.0	Tám
27	Đinh Nguyễn Thị Thanh Phương	18/5/1986	01	Phường	8.5	Tám năm
28	Nguyễn Văn Quát	07/7/1989	01	Quát	9.5	Chín năm
29	Nguyễn Thị Quế	02/8/1995	01	Quế	8.25	Tám hai năm
30	Nguyễn Ngọc Duy Quý	12/2/1996	01	Duy	8.25	Tám hai năm
31	Trương Nguyễn Thuỳ Quyên	25/12/1996	01	Quyên	8.5	Tám năm
32	Nguyễn Thị Như Quỳnh	02/10/1994	01	Quỳnh	9.0	Chín
33	Nông Thị Quỳnh	10/7/1997	01	Quỳnh	9.5	Chín năm
34	Nguyễn Duy Tài	20/02/1988	01	Tài	8.0	Tám
35	Mông Văn Tân	14/8/1995	01	Tân	8.0	Tám
36	Hoàng Phạm Ngọc Thạch	14/8/1993	01	Thạch	8.5	Tám năm
37	Hà Đức Thái	15/5/1994	01	Thái	9.0	Chín
38	Hoàng Nghĩa Thắng	12/10/1988	01	Thắng	8.0	Tám
39	Triệu Văn Thành	18/6/1987	01	TCT	8.25	Tám hai năm
40	Lê Minh Thành	07/12/1990	01	Thành	8.0	Tám
41	Lê Thị Phương Thảo	07/8/1987	01	Thảo	8.5	Tám năm
42	Trần Thị Thảo	15/4/1992	01	Thảo	8.25	Tám hai năm
43	Lăng Trọng Thiết	08/4/1999	01	Thiết	8.0	Tám
44	Nguyễn Thị Thanh Thủy	01/10/1991	01	Thủy	8.25	Tám hai năm
45	Võ Minh Tiến	16/01/1990	01	Thủy	9.0	Chín
46	Lê Thạch Toán	30/12/1978	01	Toán	8.5	Tám năm
47	Phí Thị Thu Trang	20/12/1991	01	Trang	8.75	Tám bảy năm

Stt	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số cuốn	Ký nộp	Điểm số	Điểm chữ
48	Phan Mộng Tuyền	20/6/1979	01		9.0	Chín
49	Tăng Thị Vân	13/11/1984	01		9.0	Chín
50	Nông Thị Hồng Yến	25/6/2000	01		8.5	Tám rưỡi

Tổng số: 48 cuốn/48 học viên

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO ĐIỂM

Ngày...10...tháng...12...năm 2024


Phan Văn Dũng

BAN GIÁM HIỆU



Nguyễn Thành Dũng

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Ngày...10...tháng...12...năm 2024


Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH


TS. Lê Duyên Hà

